

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty Thiết kế Cấp thoát nước được thành lập theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010.

Tên giao dịch: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: VIWASE

Trụ sở chính: Số 5 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch
	Ông Đinh Viết Đường	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên
	Bà Đặng Thị Mai Hương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Ánh Hoàng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/11/2010)
	Ông Đinh Viết Đường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/11/2010)
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Lưu Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**Nguyễn Văn Thành**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011*



Số: 294 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited**  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>A (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>44.465.221.517</b>	<b>33.630.601.566</b>
<b>I Tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>4.542.396.293</b>	<b>1.091.003.517</b>
1 Tiền	111		4.542.396.293	1.091.003.517
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>7.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.000.000.000	2.000.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.330.834.842</b>	<b>8.319.121.376</b>
1 Phải thu khách hàng	131		8.930.434.131	7.115.560.405
2 Trả trước cho người bán	132		37.455.893	117.450.401
3 Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.362.944.818	1.086.110.570
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>16.721.725.818</b>	<b>18.612.410.106</b>
1 Hàng tồn kho	141		16.721.725.818	18.612.410.106
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.870.264.564</b>	<b>3.608.066.567</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.537.395.883	1.153.368.727
2 Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.332.868.681	2.454.697.840
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>B (200 = 220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>21.795.955.031</b>	<b>20.696.816.482</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.025.407.706</b>	<b>6.350.960.676</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.963.435.797	6.301.789.676
<i>Nguyên giá</i>	222		8.608.826.975	8.619.419.975
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.645.391.178)	(2.317.630.299)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	61.971.909	49.171.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.9	<b>13.139.749.605</b>	<b>11.139.749.605</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.389.749.605	10.389.749.605
2 Đầu tư dài hạn khác	258		2.750.000.000	750.000.000
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.630.797.720</b>	<b>3.206.106.201</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.630.797.720	3.206.106.201
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>66.261.176.548</b>	<b>54.327.418.048</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>35.330.734.254</b>	<b>25.499.749.607</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.207.685.839</b>	<b>25.204.404.948</b>
1 Phải trả người bán	312		3.204.833.765	630.788.815
2 Người mua trả tiền trước	313		21.337.597.174	17.258.618.055
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.779.749.502	1.824.599.382
4 Phải trả người lao động	315		1.660.953.579	1.230.601.408
5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	6.051.403.692	4.243.726.945
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		173.148.127	16.070.343
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>123.048.415</b>	<b>295.344.659</b>
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		83.293.484	83.293.484
2 Doanh thu chưa thực hiện	338		39.754.931	212.051.175
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>B (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>30.930.442.294</b>	<b>28.827.668.441</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>30.870.442.294</b>	<b>28.817.668.441</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.623.840	1.885.571
3 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.051.603.906	1.951.642.976
4 Quỹ dự phòng tài chính	418		312.549.680	16.702.200
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.504.664.868	5.847.437.694
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>60.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1 Nguồn kinh phí	432		60.000.000	10.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>66.261.176.548</b>	<b>54.327.418.048</b>



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		89.256.409.618	84.007.015.692
2 Các khoản giảm trừ	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.14	89.256.409.618	84.007.015.692
4 Giá vốn hàng bán	11	5.15	75.812.015.145	71.959.518.810
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.444.394.473	12.047.496.882
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1.634.209.149	1.090.900.779
7 Chi phí tài chính	22	5.16	-	743.650
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	7.004.538.198	5.753.178.749
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.074.065.424	7.384.475.262
11 Thu nhập khác	31		110.754.400	296.471.418
12 Chi phí khác	32		-	3.088.354
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.18	110.754.400	293.383.064
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.184.819.824	7.677.858.326
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.680.154.956	1.760.908.732
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.504.664.868	5.916.949.594
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	3.097	2.818



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	8.184.819.824	7.677.858.326
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	338.353.879	356.040.900
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.623.840)	(1.885.571)
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.634.209.149)	(1.090.900.779)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.887.340.714	6.941.112.876
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(3.049.240.307)	3.952.677.833
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	1.890.684.288	(202.862.520)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	9.396.693.003	(17.063.164.411)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	191.281.325	(274.335.316)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.283.690.927)	(2.224.849.697)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.214.063.400)	(1.254.818.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>12.819.004.696</b>	<b>(10.126.239.335)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.800.909)	(1.089.926.197)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	-
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	1.896.310.000
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	793.565.149	1.090.900.779
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(6.219.235.760)</b>	<b>1.897.284.582</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.150.000.000)	(1.898.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(3.150.000.000)</b>	<b>(1.898.400.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>3.449.768.936</b>	<b>(10.127.354.753)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>1.091.003.517</b>	<b>11.216.472.699</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.623.840	1.885.571
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>4.542.396.293</b>	<b>1.091.003.517</b>



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty Thiết kế Cấp thoát nước được thành lập theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010.

Tên giao dịch: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: VIWASE.

Trụ sở chính: Số 5 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Tư vấn đầu tư và xây dựng: Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý các dự án công trình cấp thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường bao gồm: Lập và thẩm tra các Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và Hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt; Nghiên cứu lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; Khảo sát địa hình, địa chất, công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; Quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng, kiểm tra thiết bị, vật tư, thi công xây lắp, nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán các công trình xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Nhận thầu thi công xây dựng, lắp đặt và cung ứng vật tư thiết bị cho các công trình cấp, thoát nước và công trình xử lý nước thải, các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình điện, đường dây và trạm biến thế đến 35 KV; Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa giao tay; khoan khai thác nước ngầm.
- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, kinh doanh và kinh doanh xuất nhập vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: tư vấn khảo sát, thiết kế và giám sát thi công.



**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng Cân đối kế toán theo quy định hiện hành.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2010</b>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	12
Thiết bị quản lý	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chênh lệch tăng của vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2005 theo phương pháp dòng tiền chiết khấu và một số khoản chi phí khác. Khoản chênh lệch này được phân bổ vào chi phí với thời gian 10 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện Hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của Hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện Hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	173.911.458	81.340.786
Tiền gửi ngân hàng	4.368.484.835	1.009.662.731
<b>Tổng</b>	<b>4.542.396.293</b>	<b>1.091.003.517</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2010 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Hà Nội.

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	312.993.903	625.781.033
Phải thu người lao động về thuế TNCN	890.511.495	314.302.838
Phải thu khác	1.159.439.420	146.026.699
<b>Tổng</b>	<b>2.362.944.818</b>	<b>1.086.110.570</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.721.725.818	18.612.410.106
<b>Tổng</b>	<b>16.721.725.818</b>	<b>18.612.410.106</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	3.332.868.681	2.454.697.840
<b>Tổng</b>	<b>3.332.868.681</b>	<b>2.454.697.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.153.368.727	748.611.674
Tăng trong năm	960.711.519	1.151.483.156
Đã kết chuyển chi phí	576.684.363	746.726.103
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.537.395.883</b>	<b>1.153.368.727</b>
	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.505.663.383	1.089.903.727
Chi phí sửa chữa	31.732.500	63.465.000
<b>Tổng</b>	<b>1.537.395.883</b>	<b>1.153.368.727</b>

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>					
Tại ngày 01 tháng 01	4.473.713.098	-	2.837.376.334	1.308.330.543	8.619.419.975
Tăng trong năm	-	658.326.374	-	-	658.326.374
Phân loại lại tài sản	-	658.326.374	-	-	658.326.374
Giảm trong năm	-	-	-	668.919.374	668.919.374
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	10.593.000	10.593.000
Phân loại lại tài sản	-	-	-	658.326.374	658.326.374
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>4.473.713.098</b>	<b>658.326.374</b>	<b>2.837.376.334</b>	<b>639.411.169</b>	<b>8.608.826.975</b>
<b><u>Giá trị hao mòn lũy kế</u></b>					
Tại ngày 01 tháng 01	612.800.303	-	1.081.850.554	622.979.442	2.317.630.299
Tăng trong năm	83.181.936	105.149.307	150.347.928	49.963.507	388.642.678
Khấu hao trong năm	83.181.936	54.860.508	150.347.928	49.963.507	338.353.879
Phân loại lại tài sản	-	50.288.799	-	-	50.288.799
Giảm trong năm	-	-	-	60.881.799	60.881.799
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	10.593.000	10.593.000
Phân loại lại tài sản	-	-	-	50.288.799	50.288.799
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>695.982.239</b>	<b>105.149.307</b>	<b>1.232.198.482</b>	<b>612.061.150</b>	<b>2.645.391.178</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>					
Tại ngày 01 tháng 01	3.860.912.795	-	1.755.525.780	685.351.101	6.301.789.676
Tại ngày 31 tháng 12	3.777.730.859	553.177.067	1.605.177.852	27.350.019	5.963.435.797

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 1.815.641.020 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày đầu năm	49.171.000	4.944.400.414
Tăng trong năm	12.800.909	429.784.772
Kết chuyển tài sản cố định	-	5.325.014.186
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>61.971.909</b>	<b>49.171.000</b>
<i>Chi tiết theo công trình</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Dự án Nhà máy nước Như Quỳnh	61.971.909	49.171.000
<b>Tổng</b>	<b>61.971.909</b>	<b>49.171.000</b>

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	10.389.749.605	10.389.749.605
Đầu tư dài hạn khác	2.750.000.000	750.000.000
<i>Công ty CP Bất động sản LILAMA LAND</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
<i>Công ty CP Bất động sản An Việt</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>13.139.749.605</b>	<b>11.139.749.605</b>

**Thông tin về các công ty liên doanh**

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu (theo Giấy ĐKKD)	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	SX, KD nước sạch	49	882.000.000	882.000.000
<b>Tổng</b>			<b>882.000.000</b>	<b>882.000.000</b>

**Thông tin về các công ty liên kết**

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu (theo Giấy ĐKKD)	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	KD nước sạch	42,59	5.332.000.000	5.332.000.000
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Tư vấn	48,81	1.855.800.000	1.855.800.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Hạ tầng Phương Đông	Tư vấn	48,97	1.385.860.000	1.385.860.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Lạc Việt	Tư vấn	44,48	934.089.605	934.089.605
<b>Tổng</b>			<b>9.507.749.605</b>	<b>9.507.749.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày đầu năm	3.206.106.201	3.336.527.938
Tăng trong năm	387.948.546	539.125.455
Đã kết chuyển chi phí	963.257.027	669.547.192
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.630.797.720</b>	<b>3.206.106.201</b>
	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi XĐGTDN cổ phần hóa	2.373.680.134	2.769.280.135
Phí bảo hiểm tư vấn	77.409.094	77.409.094
Chi phí sửa chữa TSCĐ	179.708.492	359.416.972
<b>Tổng</b>	<b>2.630.797.720</b>	<b>3.206.106.201</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.228.880.843	842.397.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.021.362.383	624.898.354
Thuế thu nhập cá nhân	529.506.276	357.303.944
<b>Tổng</b>	<b>2.779.749.502</b>	<b>1.824.599.382</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	14.383.665	27.629.641
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.037.020.027	4.216.097.304
<i>Phải trả các đội nhận khoán</i>	<i>5.847.020.027</i>	<i>4.031.097.304</i>
<i>Bảo lãnh hợp đồng lao động</i>	<i>190.000.000</i>	<i>185.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>6.051.403.692</b>	<b>4.243.726.945</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Vốn Chủ sở hữu**

**Vốn điều lệ**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2010
		VND	%	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.060.500	10.605.000.000	50,5	10.605.000.000
Các cổ đông khác	1.039.500	10.395.000.000	49,5	10.395.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.100.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>21.000.000.000</b>

**Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại 01/01/2009	21.000.000.000	-	1.951.642.976	16.702.200	-
Tăng trong năm	-	1.885.571	-	-	5.916.949.594
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.916.949.594
CLTG cuối năm	-	1.885.571	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	69.511.900
Giảm khác	-	-	-	-	69.511.900
<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>1.885.571</b>	<b>1.951.642.976</b>	<b>16.702.200</b>	<b>5.847.437.694</b>
Tại 01/01/2010	21.000.000.000	1.885.571	1.951.642.976	16.702.200	5.847.437.694
Tăng trong năm	-	1.623.840	1.099.960.930	295.847.480	6.574.176.768
Phân phối quỹ	-	-	1.099.960.930	295.847.480	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	6.504.664.868
CLTG cuối năm	-	1.623.840	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	69.511.900
Giảm trong năm	-	1.885.571	-	-	5.916.949.594
Trích cổ tức	-	-	-	-	3.150.000.000
Phân phối quỹ	-	-	-	-	2.766.949.594
Giảm khác	-	1.885.571	-	-	-
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>1.623.840</b>	<b>3.051.603.906</b>	<b>312.549.680</b>	<b>6.504.664.868</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.150.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Vốn Chủ sở hữu (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.100.000</b>	<b>2.100.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán</b>		
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu***5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	82.191.366.235	79.440.821.338
Doanh thu vật tư, xây lắp	7.034.848.435	4.556.221.309
Doanh thu kinh doanh nước sạch	30.194.948	9.973.045
<b>Tổng</b>	<b>89.256.409.618</b>	<b>84.007.015.692</b>

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	68.809.290.094	67.407.080.963
Trong đó:		
- Lương	32.709.006.065	33.473.734.480
- Chi phí chung	36.100.284.029	33.933.346.483
Giá vốn vật tư, xây lắp	6.759.312.444	4.391.437.294
Giá vốn kinh doanh nước sạch	243.412.607	161.000.553
<b>Tổng</b>	<b>75.812.015.145</b>	<b>71.959.518.810</b>

**5.16 Doanh thu / Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	170.009.149	456.677.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.464.200.000	634.223.400
<b>Tổng</b>	<b>1.634.209.149</b>	<b>1.090.900.779</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chênh lệch tỷ giá	-	743.650
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>743.650</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.242.982.476	3.213.375.868
Chi phí vật liệu quản lý	544.594.524	687.090.024
Chi phí đồ dùng văn phòng	297.914.686	367.982.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.119.704	32.040.340
Thuế, phí, lệ phí	95.026.009	119.226.966
Phân bổ lợi thế kinh doanh doanh nghiệp	395.500.000	395.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	965.151.316	210.719.188
Chi phí bằng tiền khác	1.454.249.483	727.243.423
<b>Tổng</b>	<b>7.004.538.198</b>	<b>5.753.178.749</b>

**5.18 Lợi nhuận khác**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý TSCĐ	-	162.725.454
Thu từ cho thuê cửa hàng, văn phòng	87.272.730	94.636.360
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	22.500.000	37.000.000
Thu nhập khác	981.670	2.109.604
<b>Tổng</b>	<b>110.754.400</b>	<b>296.471.418</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	3.088.354
Chi phí khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.088.354</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>110.754.400</b>	<b>293.383.064</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.184.819.824</b>	<b>7.677.858.326</b>
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	(1.464.200.000)	(634.223.400)
+ <i>Lãi cổ tức</i>	(1.464.200.000)	(634.223.400)
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>6.720.619.824</b>	<b>7.043.634.926</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>1.680.154.956</b>	<b>1.760.908.732</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.504.664.868	5.916.949.594
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.504.664.868	5.916.949.594
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.100.000	2.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.097</b>	<b>2.818</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	2.454.295.385	1.612.354.651

**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Giao dịch mua hàng</b>				
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Thầu B phụ	3.035.898.708	6.848.121.668
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư XD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Thầu B phụ Mua thiết bị	5.737.100.334	3.974.674.311 10.675.455
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Hạ tầng Lạc Việt	Công ty liên kết	Thầu B phụ	1.061.579.753	1.288.198.369
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Công ty liên kết	Mua vật tư Sửa chữa TSCD Thầu B phụ NM nước Văn Lâm	- - 2.382.272.408 12.800.909	156.931.817 539.125.455 1.176.993.765 -
<b>Giao dịch bán hàng</b>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Công ty liên kết	Thiết kế	151.947.750	-

05310  
CÔNG TY  
DANH  
TOÁN  
NAM  
7-TP. H



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Phải thu khác	334.044.000	-
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Hạ tầng Lạc Việt	Công ty liên kết	Phải thu khác	186.800.000	-
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư XD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	-	42.183.901
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	17.080.000	17.080.000
		Phải thu khác	-	40.266.500
		Phải thu khác	319.800.000	-
<b>Các khoản phải trả</b>				
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Phải trả người bán	66.854.237	-
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư XD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	79.432.200
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Hạ tầng Lạc Việt	Công ty liên kết	Phải trả người bán	22.458.240	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Công ty liên kết	Người mua trả tiền trước	62.700.000	104.442.525
		Phải trả người bán	9.289.500	38.941.400

**6.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2011



*Giang Hồng Hạnh*

**Giang Hồng Hạnh**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2010

**PHỤ LỤC****Phụ lục số 01 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ (năm 2010)		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	7=2+3-4
<b>I. Thuế</b>	<b>1.824.599.382</b>	<b>7.775.258.328</b>	<b>6.820.108.208</b>	<b>2.779.749.502</b>
1. Thuế GTGT	842.397.084	4.586.396.958	4.199.913.199	1.228.880.843
2. Thuế TNDN	624.898.354	1.680.154.956	1.283.690.927	1.021.362.383
3. Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
4. Thuế thu nhập cá nhân	357.303.944	1.506.706.414	1.334.504.082	529.506.276
5. Thuế khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.824.599.382</b>	<b>7.775.258.328</b>	<b>6.820.108.208</b>	<b>2.779.749.502</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục số 02 - Chi tiết các khoản chi phí cho phần dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế**

<b>Chi tiêu</b>	<b>Năm 2010 VND</b>
<b>1. Lương</b>	
- Tại Văn phòng Công ty	3.242.982.476
- Tại các đơn vị sản xuất	32.709.006.065
<b>Tổng</b>	<b>35.951.988.541</b>
<b>2. Chi phí chung</b>	
- Tại Văn phòng Công ty	2.850.394.872
- Tại các đơn vị sản xuất	33.249.889.157
<b>Tổng</b>	<b>36.100.284.029</b>